TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2024/HS-ST
Ngày: 15 - 11 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Văn Hải;

Ông Nguyễn Thanh Minh Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa sơ thẩm công khai trực tiếp xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị Huệ E**, sinh năm 1992, tại An Giang; nơi thường trú: Ấp G, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện tại: Ấp 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình; bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2012 và con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

** Bị hại:*

Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1957; (có mặt)
Địa chỉ: Ấp 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh **Nguyễn Phước T**, sinh năm 1997; (vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

** Người làm chứng:*

Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1962; (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1988; (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2020, bị cáo Lê Thị Huệ E và anh Nguyễn Văn T sống chung như vợ chồng tại nhà bà Nguyễn Thị Đ, mẹ anh T, ở ấp 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Khoảng 11 giờ ngày 04-12-2023, bà Đ đưa cho bị cáo chìa khóa tủ nhựa đặt trong phòng ngủ của bà để mở tủ lấy 01 vòng tay bằng vàng loại 24K, trọng lượng 05 chỉ, đem đến tiệm cầm đồ của anh Nguyễn Văn H tại ấp 3, xã Đ cầm lấy số tiền 10.000.000 đồng. Trong tủ lúc này còn 03 chiếc vòng bằng vàng cùng loại và nhiều tài sản khác. Sau khi lấy vòng vàng, Huệ E trả lại chìa khóa tủ cho bà Đ.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, nhớ đến việc Phương (không rõ nhân thân) là một người bạn quen qua ứng dụng Zalo, đã nhiều lần hỏi mượn tiền, bị cáo nảy sinh ý định trộm vàng để bán lấy tiền cho P mượn. Lợi dụng lúc bà Đ đang ngủ trong phòng khách, Huệ E lén lấy chìa khóa để trên tủ thờ Thần Tài cách bà Đ khoảng 05m, vào phòng ngủ mở tủ và lấy 01 chiếc vòng bằng vàng loại 24k, trọng lượng 05 chỉ, đem đến tiệm vàng K tại khóm 4, thị trấn M, bán được 29.000.000 đồng. Sau khi có tiền, bị cáo hẹn gặp P và đưa toàn bộ số tiền cho người này.

Sự việc sau đó được trình báo đến Công an xã Đ. Chiếc điện thoại mà bị cáo sử dụng để đăng nhập tài khoản Zalo liên lạc với Phương là của anh Nguyễn Văn T cho mượn. Khi tức giận, anh T đã đập vỡ chiếc điện thoại này. Hiện tại, bị cáo không còn nhớ số điện thoại và mật khẩu của tài khoản Zalo.

Tại Kết luận định giá tài sản số 09/KLĐG ngày 18-3-2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc vòng tay bằng vàng loại 24k, trọng lượng 05 chỉ của bị hại Đẹp có giá trị là 28.750.000 đồng.

Về vật chứng, sau khi mua vàng từ bị cáo, tiệm vàng K đã đem nấu chảy chung với nhiều loại nữ trang khác không thể thu hồi.

Về trách nhiệm dân sự, sau khi nhận được 1.000.000 đồng từ bị cáo, bà Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường phần thiệt hại còn lại.

Tại bản cáo trạng số: 62/CT-VKSTM ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định truy tố bị cáo Lê Thị Huệ E ra Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (gọi tắt là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên, giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố theo Cáo trạng, khẳng định việc truy tố trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của bị cáo đã gây ra, nguyên nhân, điều kiện dẫn đến việc thực hiện tội phạm, nhân thân của bị cáo và quy định của pháp luật, Kiểm sát viên đề nghị:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Lê Thị Huệ E phạm tội "Trộm cắp tài sản";

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Huệ E hình phạt từ 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

Về hình phạt bổ sung, Kiểm sát viên đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

- Bị cáo Lê Thị Huệ E đồng ý xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Phước T, người làm chứng Nguyễn Thị C và Nguyễn Văn T, thừa nhận toàn bộ hành vi của bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Đối với phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt bị cáo không tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại Nguyễn Thị Đ trình bày: Bị hại đồng ý xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Phước T, người làm chứng Nguyễn Thị C và Nguyễn Văn T. Bị hại đã nhận được số tiền bồi thường thiệt hại của Lê Thị Huệ E là 1.000.000 đồng. Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Hiện tại, sức khỏe của bị hại không được tốt, phải thường xuyên đi khám bệnh theo định kỳ nên xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo ở nhà chăm sóc bị hại.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Phước T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu gì trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Phước T và những người làm chứng. Tuy nhiên, xét thấy đã có đầy đủ lời khai của họ trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đơn xin xét xử vắng mặt; đồng thời tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và Kiểm sát viên cũng đồng ý xét xử vắng mặt đối với những người này; do đó, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục phiên tòa xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tháp Mười, và Điều tra viên trong quá trình điều tra; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười và Kiểm sát viên trong quá trình truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, lời khai nhận tội của bị cáo Lê Thị Huệ E tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng với các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án và tại phần tranh luận bị cáo cũng thống nhất với lời luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ thể lực và trí lực nhận thức hành vi của mình; bị cáo biết rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật mà vẫn thực hiện; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý; tài sản bị cáo lấy trộm có giá trị là 28.750.000 đồng nên đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

……..".

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo tuy ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại một cách trái phép. Quyền sở hữu về tài sản là khách thể được Luật hình sự bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi trái phép xâm phạm đến, nhưng vì bản chất lười biếng, với ý thức xem thường pháp luật, muốn mau chóng có tiền mà không phải bỏ ra công sức lao động hợp pháp, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của bị hại để lén lút thực hiện hành vi lấy trộm 01 vòng tay bằng vàng 24k có trọng lượng 05 chỉ nhằm mục đích bán sử dụng cá nhân. Hành vi này không những vi phạm pháp luật mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh tại địa phương, gây tâm lý lo lắng trong việc quản lý, bảo vệ tài sản trong nhân dân. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử công khai như hôm nay là cần thiết để giáo dục bị cáo thành người tốt, có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời nhằm mục đích giáo dục, phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; ngoài ra, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng và có nơi cư trú rõ ràng. Đồng thời, nhằm thể hiện bản chất nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa nên Hội đồng xét xử xét thấy áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp.

[6] Cáo trạng số: 62/CT-VKSTM ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Lê Thị Huệ E là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự để xử phạt đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Không có.

[10] Đối với người tên Phương do không xác định được nhân thân nên việc Viện kiểm sát tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xem xét xử lý sau khi có căn cứ là phù hợp.

[11] Đối với anh Nguyễn Phước T khi mua vòng tay bằng vàng không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[12] Về án phí: Bị cáo Lê Thị Huệ E bị kết tội, bị cáo không thuộc trường hợp không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 11 và không thuộc trường hợp miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do đó, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này theo quy định tại Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Huệ E phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Huệ E 01 (Một) năm tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 15/11/2024).

Giao bị cáo Lê Thị Huệ E cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 93 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Không có.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Lê Thị Huệ E phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở tư pháp Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- CQ CSĐT CA huyện Tháp Mười;
- CC THADS huyện Tháp Mười;
- UBND xã Đốc Binh Kiều;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HSVA, VPTA (Linh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Diệu